

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - TÂY NINH
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày: 15-8-2025
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Vĩnh Lâm
- Ông Vũ Văn Quân

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Quốc Huỳnh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 52/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2025, thông báo mở lại phiên tòa xét xử số 02A/2025/TB-TA ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Lê Văn X, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An).

2. *Bị đơn:* ông Phan Văn N, sinh năm 1977; nơi cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh (địa chỉ cũ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An).

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/3/2025; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 27/3/2025; bản tự khai và các lời trình bày tại Tòa án của nguyên đơn như sau:

Vào ngày 13/9/2024, ông Phan Văn N có hỏi vay của ông Lê Văn X số tiền là 70.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3,5%/tháng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày

13/9/2024 đến 13/3/2025. Ông N hứa đến ngày 13/3/2025 sẽ trả cho ông X toàn bộ số tiền đã vay. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền, ông N không trả tiền gốc và lãi cho ông X. Ông X đã nhiều lần liên lạc nhưng ông N luôn lảng tránh. Nhận thấy ông N lảng tránh trách nhiệm trả nợ đã làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình của ông X. Ông X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N có nghĩa vụ trả cho ông X số tiền đã vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 13/9/2024 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Về phía bị đơn Phan Văn N: ông N vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên hồ sơ không có thể hiện ý kiến của ông N.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An; hiện nay là ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh; hiện nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: căn cứ xác nhận của chính quyền địa phương về nơi cư trú của bị đơn Phan Văn N cũng như tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ khởi kiện, có cơ sở xác định nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án không tổng đạt được văn bản tố tụng cho ông N. Đồng thời, ông cũng không nghe điện thoại khi được gọi để liên lạc. Do đó, có cơ sở xác định việc ông N vắng mặt tại nơi cư trú nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Vì vậy, căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự đồng thời với việc niêm yết theo quy định Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên, ông Phan Văn N vẫn vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Do đó, đã đủ điều kiện xét xử vắng mặt bị đơn

theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

Ông Lê Văn X khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn N có nghĩa vụ trả nợ gốc đã vay là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về số nợ gốc: ông Lê Văn X khởi kiện có cung cấp được chứng cứ chứng minh ông Phan Văn N vay tiền của ông X thể hiện tại bản “Hợp đồng vay tiền” ngày 13/9/2024. Hợp đồng vay có ghi rõ số tiền vay, mức lãi suất, thời hạn trả, lãi chậm trả, lãi phạt. Ông N đã ký, ghi rõ họ tên và xác nhận đã nhận đủ số tiền. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng đã vắng mặt và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự “2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Do đó, có cơ sở xác định ông Phan Văn N có vay tiền của ông Lê Văn X và hiện còn nợ ông X số tiền 70.000.000 đồng. Do đó, ông Lê Văn X khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Văn N có nghĩa vụ trả số tiền nợ là 70.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Về tiền lãi: ông Lê Văn X yêu cầu ông Phan Văn N trả lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày vay (13/9/2024) đến khi giải quyết xong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy bản “Hợp đồng vay tiền” ngày 13/9/2024 có ghi rõ mức lãi suất vay là 3,5%, thời hạn vay 06 tháng. Do đó, có cơ sở xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Lãi suất hai bên thoả thuận là 3,5%/tháng là vượt mức lãi suất pháp luật quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Tại đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 27/3/2025, ông X yêu cầu ông N trả lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu trả lãi của ông X có căn cứ chấp nhận. Tiền lãi như sau:

Thời gian từ ngày 13/9/2024 đến ngày xét xử (15/8/2025) thời gian tính lãi là 11 tháng 02 ngày, lãi suất 1,66%/tháng, tiền lãi là 12.859.466đ.

Như vậy, cần buộc ông Phan Văn N có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn X số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi là 12.859.466đ (mười hai triệu tám trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 82.859.466đ (tám mươi hai triệu tám trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

[3] Về chi phí tố tụng: chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tổng số tiền là 2.985.000đ (hai triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Ông Lê Văn X phải chịu và đã nộp xong.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn là ông Phan Văn N phải chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 173, 180; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn X:

Buộc ông Phan Văn N có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn X số tiền gốc đã vay là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi là 12.859.466đ (mười hai triệu tám trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 82.859.466đ (tám mươi hai triệu tám trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về chi phí tố tụng: chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tổng số tiền là 2.985.000đ (hai triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Ông Lê Văn X phải chịu và đã nộp xong

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

4.1. Ông Lê Văn X không phải chịu án phí nên được trả lại tiền số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu số 0003876, ngày 28/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh,

tỉnh Long An; hiện nay là Phòng Thi hành án khu vực 2 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

4.2. Ông Phan Văn N phải chịu án phí là 4.142.937đ (bốn triệu một trăm bốn mươi hai nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 2-Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 2-Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Ánh